

Bản án số: **236/2023/DS -PT**

Ngày 18 - 12- 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 139/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 332/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1992. Địa chỉ: **ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Trần Quang T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**, theo văn bản ủy quyền đề ngày 06/12/2023. (có mặt)

- Bị đơn: ông **Lê Văn C** (tên gọi khác: **Lê Minh T1**), sinh năm 1988 (có mặt) và bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**.

- *Người kháng cáo:* Ông **Lê Văn C** (tên gọi khác **Lê Minh T1**) và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2022 bà Nguyễn Thị Ngọc K có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Lê Văn C vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 09/01/2022 vay 30.000.000 đồng và ngày 25/02/2022 vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, vay không kỳ hạn nhưng khi nào cần thu hồi vốn thì bà K phải báo trước 30 ngày. Do bà K và bà B là chị em ruột nên không làm biên nhận.

Đối với khoản vay ngày 09/01/2022 thì bà B và ông C đóng lãi đến ngày 25/5/2022 số tiền là 2.250.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 25/02/2022 thì bà B và ông C đóng lãi đến ngày 25/5/2022 số tiền là 12.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi và không trả vốn cho đến nay.

Tại phiên hòa giải hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và lãi như sau: yêu cầu bị đơn bà B và ông C trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 70.426.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử (ngày 29/9/2023) là 18.861.000 đồng.

** Trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày:*

Ông C thừa nhận có vay của bà K 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng thì ông C cho rằng không có vay mà ông C là người giới thiệu để bà K cho người khác vay.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc K thì bị đơn ông Lê Văn C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà K.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho bà B biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà B nhưng bà B không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã N đã: Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 244 Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc K.**

Buộc ông **Lê Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Ngọc K** số tiền là 89.287.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí sơ thẩm, chi phí giám định và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/10/2023, ông **Lê Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc K** do ông **Trần Quang Trung đại d** theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông **Lê Văn C** trả nợ chứ không yêu cầu bị đơn **B** cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với bị đơn **C**; bị đơn ông **Lê Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị đơn **C** đồng ý là bị đơn **B** không có liên quan trả nợ với ông. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà ông **Lê Văn C** và chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Ngọc B** và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm về phần buộc bà **B** liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông **Lê Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà **Nguyễn Thị Ngọc K** khởi kiện yêu cầu ông **Lê Văn C** và bà **Nguyễn Thị Ngọc B** trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 70.426.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử (ngày 29/9/2023) **là 18.861.000 đồng.**

[2.2] Bị đơn ông **Lê Văn C** thừa nhận có vay của bà **K** 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng thì ông **C** cho rằng không có vay, nhưng ông chỉ là người bảo lãnh nợ cho những người vay tiền của bà **K** là người giới

thiệt để bà **K** cho người khác vay, nên ông **Lê Văn C** không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà **K**.

[2.3] Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc B**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho bà **B** biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà **B** nhưng bà **B** không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

[3] Xét kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Ngọc B** về việc yêu cầu yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. **Xét thấy**, Tại tòa bà **B** cho rằng bà không có vay mượn tiền của bà **K**, nên bà không đồng ý cùng ông **C** liên đới trả nợ; phía ông **Trung đại d** theo ủy quyền của bà **K** không yêu cầu bà **B** cùng ông **C** có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà **K**, mà chỉ yêu cầu ông **C** trả nợ cho bà **K**; phía ông **C** cũng đồng ý là bà **B** không có trách nhiệm liên đới cùng ông trả nợ cho bà **K**. Do đó, kháng cáo của bà **B** là có căn cứ chấp nhận, nên sửa án sơ thẩm về phần tuyên buộc bà **B** cùng ông **C** trả nợ tiền cho bà **K** và các phần khác có liên quan đến bà **B**. **Bản án bị sửa, nhưng cấp sơ thẩm không có lỗi.**

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Lê Văn C** về việc yêu cầu yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhận thấy:

[4.1] Tại tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ buộc ông **C** trả vốn 70.426.000đồng nhưng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.2] Tại tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ buộc ông **C** trả vốn 70.426.000đồng cùng lãi, phía ông **C** đồng ý trả cho nguyên đơn 50.000.000đồng, còn 30.000.000đồng thì ông có mượn nhưng đã trả cho bà **K** xong. Xét thấy:

[4.2.1] Tại tòa cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai thì ngày 09/01/2022, bà **Nguyễn Thị Ngọc K** có cho ông **Lê Văn C** (tên thường dùng là **Lê Văn T2**) vay số tiền 30.000.000đồng, lãi 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, hợp đồng vay không kỳ hạn, khi nào cần vốn thì nguyên đơn thông báo cho bị đơn biết trước là 30 ngày. Sau khi vay, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn được 45 ngày x 5%/tháng= 2.250.000đồng. Phía ông **C** thừa nhận có vay nhưng đã trả xong, phía nguyên đơn không thừa nhận và phía bị đơn ông **C** không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc trả số tiền trên.

[4.2.2] Tại tòa cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai ngày 25/2/2022, bà **Nguyễn Thị Ngọc K** có cho ông **Lê Văn C** (tên thường dùng là **Lê**

Văn T2) vay số tiền 50.000.000đồng. Như vậy, cộng vốn trước sau là 80.000.000đồng, lãi 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, hợp đồng vay không kỳ hạn, khi nào cần vốn thì nguyên đơn thông báo cho bị đơn biết trước là 30 ngày. Sau khi vay, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn được 03 tháng x 5%/tháng x 80.000.000đồng= 12.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi và trả vốn. Phía ông C cho rằng ông chỉ là người giới thiệu người vay cho bà K trực tiếp cho những người này vay tiền. Tuy nhiên, bà K đã cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà K và ông C thì ông C đã thừa nhận người đàn ông nói chuyện trong đoạn ghi âm do bà K cung cấp là tiếng nói của ông C. Trong đoạn ghi âm thể hiện ông C thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà K và tại tòa, ông C cho rằng ông bảo lãnh nợ, nên ông đồng ý trả số tiền 50.000.000đồng cho bà K và xin trả nợ dần

[4.2.3] Đối với ông C yêu cầu trả dần thì đại diện nguyên đơn không đồng ý, nên yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận và thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án sau này.

[4.3] Từ những phân tích tại các tiểu mục [4.2.1] và [4.2.2] thì có chứng cứ chung minh ông C vay vốn của bà K 02 lần vào các ngày 9/01/2022 và ngày 25/02/2022) với số tiền vốn là 80.000.000đồng.

[4.4] Trong quá trình cho vay tiền thì ông C đã trả lãi được 14.250.000 đồng, sau khi trừ lãi vượt quá quy định thì tiền gốc còn nợ là 70.426.000 đồng.

[4.5] Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà K và buộc các bị đơn ông C hoàn trả số tiền vốn vay còn lại là 70.426.000 đồng đồng là có căn cứ.

[4.6] Xét về lãi suất: Do nguyên đơn cho vay với lãi suất 5%/tháng là vượt mức quy định, nên cấp sơ thẩm điều chỉnh và tính lãi suất đối với số tiền gốc là 70.426.000 đồng tính lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử (ngày 29/9/2023) là **18.861.000 đồng.**

[5] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị đơn C của không có bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới, Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn C trả cho số tiền vốn và lãi là **89.287.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.**

[6] Từ những nhận định tại các mục [3] đến mục [5], căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc B, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[7.1] Do kháng cáo của ông Lê Văn C không được chấp nhận, nên người kháng cáo ông Lê Văn C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Do kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Ngọc B** được chấp nhận, nên người kháng cáo bà **Nguyễn Thị Ngọc B** không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 và khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 29 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Lê Văn C**; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc B**. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 139/2023/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã năm, tỉnh Sóc Trăng về việc buộc bà **B** liên đới cùng ông **C** trả nợ cho bà **K**, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 244 Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc K**.

Buộc ông **Lê Văn C** có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị Ngọc K** số tiền là **89.287.000 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà **Nguyễn Thị Ngọc K** thì hàng tháng ông **Lê Văn C** còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Ông **Lê Văn C** chịu án phí dân sự sơ thẩm là **4.464.350 đồng**.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc K** không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Ngọc K** số tiền tạm ứng án phí là 2.367.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0006584 do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm thu ngày 17/5/2023.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Ông **Lê Văn C** phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông **C** đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011035 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông **C** đã nộp xong.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc B** không phải chịu. Hoàn trả cho bà **B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011036 (do ông **C** nộp thay bà **B**) ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng